

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/11/2019

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Kim Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Lan Phương

2. Bà Trần Thị Liên

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Luyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 194/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/9/2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1994;

HKTT: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Bá K, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

* Người làm chứng:

a. Bà Trần Thị G, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

b. Ông Nguyễn Bá Kh, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2019, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Đoàn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Bá K đăng ký kết hôn ngày 16/10/2013 tại Ủy ban nhân

dân xã N, huyện N trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh K ở thôn M, xã N, huyện N. Năm 2015, anh K đi lao động tại Đài Loan. Đến tháng 9/2018, anh K về nước. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khi anh K đi lao động ở nước ngoài. Do anh K không tin tưởng chị, không gửi tiền về cho chị để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và nuôi con mà trực tiếp chuyển tiền về cho bố mẹ chồng nhưng cũng không nói cho chị biết. Khi về nước, anh K còn nghi ngờ chị không chung thủy và có lời lẽ xúc phạm. Nhiều lần anh K viết đơn ly hôn bắt chị ký nhưng do nghĩ thương con nên chị không đồng ý. Đến cuối tháng 7/2019 anh K còn viết giấy trao trả và xuống nhà báo bố mẹ chị dạy bảo lại chị. Do cuộc sống luôn bất hòa, vợ chồng không còn tình cảm nên đầu tháng 9/2019 chị đã đưa con về nhà bố mẹ chị ở thôn L, xã Q, huyện N ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Gia đình đã động viên hòa giải, nhưng chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nên chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bá H, sinh ngày 19/11/2014. Con chung hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện tại, chị làm công nhân tại công ty TNHH May T, thu nhập khoảng hơn 10.000.000đ/tháng. Mẹ con chị đang ở nhà bố mẹ đẻ. Nhà cửa rộng rãi, thoáng mát. Bố mẹ chị cũng tạo điều kiện thuận lợi về chỗ ở cũng như hỗ trợ chị trong việc trông nom, chăm sóc con. Do vậy, chị hoàn toàn có khả năng để chăm sóc tốt cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu anh K cung cấp cho Tòa án, anh Nguyễn Bá K trình bày thống nhất nội dung về thời gian, điều kiện kết hôn như chị H trình bày. Ngoài ra, anh K xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ cuối năm 2018 đến nay, nguyên nhân là do chị H sống ích kỷ, không quan tâm, không muốn gần gũi và luôn tỏ thái độ cáu gắt với anh. Do vậy, anh nghi ngờ chị H có người đàn ông khác. Cuối tháng 7/2019, anh có viết đơn trao trả bố mẹ vợ, mục đích là để dọa và mong muốn chị H thay đổi, nhưng chị H vẫn không chịu thay đổi. Từ tháng 9/2019 chị H tự ý đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh và gia đình đã động viên, tìm đón nhưng chị H không chịu quay về. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của anh là không muốn ly hôn vì nghĩ thương con, còn chị H cương quyết xin ly hôn thì đó là quyền của chị H.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày.

Hiện tại con chung đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh đề nghị được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Lý do anh xin nuôi con vì hiện tại anh làm công ty TNHH thương mại dịch vụ N, công việc lắp máy may công nghiệp cho các xưởng. Thu nhập bình quân hàng tháng khoảng hơn 13.000.000đ/tháng. Anh hiện tại đang ở nhà bố mẹ đẻ anh ở thôn M, xã N, huyện N; nhà ở rộng rãi. Bố mẹ anh cũng thương yêu cháu và tạo điều kiện hỗ trợ trông nom, chăm sóc con cùng anh nếu anh được nuôi con. Anh hoàn toàn đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho con. Theo anh chị H là người ích kỷ, cố chấp, muốn phá vỡ hạnh phúc gia đình để đi theo tình nhân mới. Sau khi chị H đưa con về nhà bố mẹ đẻ thì đã chuyển trường cho con về gần nhà ông bà ngoại. Chị H còn có hành động cản trở việc anh đón con về. Chính vì vậy, theo anh chị H không đủ tư cách để nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Những người làm chứng:

Bà Trần Thị G là mẹ đẻ chị H trình bày xác định: Sau khi anh K đi xuất khẩu lao động về nước, giữa chị H và anh K đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh K không tin tưởng và có lời lẽ xúc phạm đến chị H. Nhiều lần anh K còn viết đơn đòi ly hôn chị H. Khoảng tháng 8/2019, anh K còn đưa chị H và con về nhà bà và nói là chị H láo, không dạy dỗ được, trả lại cho gia đình bà để dạy dỗ lại. Chị H và anh K sống ly thân từ đó đến nay. Anh K nhiều lần đến nhà bà nhận lỗi và nhờ gia đình bà bảo chị H về đoàn tụ, nhưng khi nói chuyện với chị H thì vẫn có lời lẽ xúc phạm với chị H và không có biểu hiện thay đổi, do vậy, chị H không đồng ý quay về. Nay chị H xin ly hôn anh K, quan điểm của bà tôn trọng ý kiến của chị H. Đối với con chung của chị H anh K là Nguyễn Bá H, quan điểm của bà là nếu chị H, anh K ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Gia đình bà sẽ hỗ trợ chị H về chỗ ở cũng như việc trông nom, chăm sóc cháu H.

Ông Nguyễn Bá Kh là bố đẻ anh K trình bày xác định: Sau khi anh K đi xuất khẩu lao động về nước được 01 tháng thì vợ chồng chị H, anh K đã phát sinh mâu thuẫn, không nói chuyện với nhau. Nguyên nhân là do chị H thờ ơ, lãnh cảm với chồng. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không được. Thời gian gần đây mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Chị H còn đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Gia đình ông và anh K đã sang khuyên bảo nhiều lần nhưng chị H không chịu quay về. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của gia đình ông không mong muốn như vậy, nhưng chị H cương quyết thì đó là quyền của chị H. Đối với con chung của chị H, anh K:

Quan điểm của ông là đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh K được nuôi dưỡng vì cháu ở cùng gia đình ông từ bé đến nay. Gia đình ông rất thương và nhớ cháu. Gia đình ông sẽ tạo điều kiện về chỗ ở cũng như hỗ trợ anh K để anh K chăm sóc tốt cho con.

- Tại biên bản xác minh với Trường mầm non xã Q nơi cháu H đang học tập: Giáo viên chủ nhiệm và Hiệu trưởng xác định trong thời gian cháu H học tập tại trường luôn ngoan ngoãn, khỏe mạnh, hòa đồng. Chị H và gia đình luôn đưa đón đúng giờ và rất quan tâm, chăm sóc cháu H.

Tại phiên tòa:

Chị H, anh K và ông Khởi giữ nguyên quan điểm như nội dung đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Bá K. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Bá H, sinh ngày 19/11/2014 cho chị Đoàn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh Nguyễn Bá K được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh K kết hôn với nhau ngày 16/10/2013 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N. Do vậy, hôn nhân của chị H và anh K là hợp pháp. Quá trình chung sống, đến cuối năm 2018, sau khi anh K đi lao động tại Đài Loan về nước thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong vấn đề quản lý kinh tế, không tin tưởng nhau và có lời lẽ, hành

động xúc phạm nhau. Từ tháng 9/2019, chị H đã đưa con về nhà đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tuy đã được hai bên gia đình hòa giải động viên đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị H vẫn cương quyết ly hôn anh K. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị H, anh K không sống chung; không tin tưởng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho ly hôn với anh K.

[2] Về con chung: Chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Bá K có 01 con chung là Nguyễn Bá H, sinh ngày 19/11/2014. Hiện tại con chung đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H và anh K đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung. Về điều kiện nuôi dưỡng con: Cả chị H và anh K đều có thu nhập, chỗ ở ổn định và được gia đình cam kết hỗ trợ trong việc nuôi con. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu H do chị H trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay; hiện tại đang được chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập tốt; thể chất và trí tuệ đều phát triển ổn định. Từ khi cháu H được sinh ra đến nay, anh K đi lao động tại Đài Loan 03 năm (từ năm 2015 đến tháng 9/2018), nên thời gian ở cùng và gần gũi với con ít hơn chị H. Anh K và gia đình anh K cho rằng chị H không xứng đáng được nuôi con vì chị H là con người ích kỷ, không nghĩ đến con, muốn ly hôn, phá vỡ hạnh phúc gia đình để tìm tình yêu mới; cho rằng điều kiện sống phía gia đình chị H không đảm bảo để cháu H phát triển tốt nhưng đều không có chứng cứ chứng minh. Do vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung Nguyễn Bá H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Đây là sự tự nguyện của chị H không trái pháp luật và không trái đạo đức, xã hội nên được chấp nhận. Do vậy, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H. Anh K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị H, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Bá K.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Bá H, sinh ngày 19/11/2014 cho chị Đoàn Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh Nguyễn Bá K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0008384, ngày 20/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Giang